

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày 19 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngr;

Bà Nguyễn Thị Chuyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Lan Anh - Kiểm sát Viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 18/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 08/4/2020, đối với bị cáo:

Lê Quang Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 24/01/1995.

Nơi cư trú: Đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã C, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T1, sinh năm 1964 và bà: Hoàng Thị N1, sinh năm 1974; có vợ là: Nguyễn Thúy H3, sinh năm 1997; có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị giam, giữ; hiện tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm D, xã C, huyện P, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Công T2, sinh năm 1981, địa chỉ: Xóm A1, xã A2, huyện Đ, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị N2, sinh năm 1967, địa chỉ: Xóm D, xã C, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

2. Anh Triệu Thái S, sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm D, xã C, huyện P, tỉnh

T(vắng mặt).

3. Chị Hoàng Thị N3, sinh năm 1974, địa chỉ: Xóm A, xã C, huyện P, tỉnh T (vắng mặt).

4. Anh Lê Văn V5, sinh năm 1994, địa chỉ: Xóm Đ, xã A2, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quang Đ là đối tượng lười lao động, ham chơi điện tử. Mặc dù đã được gia đình nhắc nhở, giáo dục nhiều lần nhưng không chịu sửa chữa. Khoảng đầu tháng 10/2019, Đ đến nhà bác ruột là bà Hoàng Thị N2 chơi và ăn ở tại đây.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/10/2019, tại phòng ngủ tầng 2 nhà bà Nhung, Đ chơi điện tử trên điện thoại bị thua hết tiền trong tài khoản, Đ đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô BKS 20N3-4393, nhãn hiệu Honda Future Neo của con dâu bà N2 là chị Nguyễn Thị Lan H để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Đ biết khi đi làm về chị H hay để xe ở sân nhà bà N2 cách nhà chị H khoảng 100m. Đ ra vị trí để chiếc xe mô tô BKS 20N3-4393 của chị H để ở sân nhà bà N2, lúc này chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe. Đ nổ máy và điều khiển xe ra khỏi nhà bà N2, đi hướng thành phố Thái Nguyên. Khi xuống phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, Đ gọi điện thoại nhờ một người bạn tên là M2 (Đ không biết rõ họ và tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ) đưa đi cầm chiếc xe mô tô. Mạnh dẫn Đ đến nhà chị Nguyễn Thị V3, sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm L, xã V4, huyện P, tỉnh T cầm cố chiếc xe mô tô BKS 20N3-4393 để vay số tiền 3.000.000 đồng, không lập giấy tờ. Đ sử dụng số tiền trên vào việc chơi điện tử.

Đến trưa ngày 22/10/2019, Đ tiếp tục nhờ Mạnh chở sang nhà anh Lê Văn V5 để vay tiền. Do V5 không có tiền cho Đ vay nên khoảng 22 giờ cùng ngày, V5 dẫn Đ đến nhà anh Lê Công T2 cầm cố chiếc xe mô tô của V5 để vay số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, Đ rủ V5 cùng đi lấy chiếc xe mô tô đã cầm cố ở nhà chị V3. Khi đến ngã ba Vô Tranh, Đ bảo V5 đứng chờ ở đường, còn Đ mang số tiền vay được của anh T2 trả cho chị V3 3.000.000 đồng và 100.000 đồng tiền lãi rồi lấy lại chiếc xe mô tô BKS 20N3-4393. Đến khoảng 10 giờ ngày 23/10/2019, Đ cùng V5 quay lại nhà anh T2 cầm chiếc xe mô tô BKS 20N3-4393 để lấy lại chiếc xe mô tô của V5 trả cho V5. Ngày 25/10/2019, chị H có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương về việc bị mất trộm tài sản. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương thu giữ xe mô tô BKS 20N3-4393 tại nhà anh Lê Công T2. Hiện chiếc xe mô tô nêu trên đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Lan H quản lý, sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-ĐG ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Phú Lương kết luận: Giá trị của chiếc

xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo BKS 20N3-4393 là 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về phần dân sự: Chị Nguyễn Thị Lan H đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu, đề nghị gì về phần bồi thường thiệt hại. Anh Nguyễn Công T2 là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 20N3-4393 cho Đ vay 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh T2 không yêu cầu Đ phải bồi thường về số tiền trên.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSPL ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo Lê Quang Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Quang Đ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quang Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Quang Đ mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng, không có công ăn việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng.

Về vật chứng: Hiện đã trả lại cho người bị hại H quản lý sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Quang Đ nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra V5; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc

khieu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị Lan H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Công T2; người làm chứng bà Hoàng Thị N2, anh Triệu Thái S, chị Hoàng Thị N3 và anh Lê Văn V5: Tòa án đã tổng Đ hợp lệ giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng những người này vắng mặt, riêng chị H, anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của những người nêu trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Quá trình điều tra, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có khiêu nại gì đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia nên việc vắng mặt họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Việc Tòa án xét xử vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Xét về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 21/10/2019, tại nhà bà Hoàng Thị N2 ở xóm Dọc Cọ, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Lê Quang Đ đã có hành vi lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo BKS 20N3-4393 đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hiện tài sản đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho chị Nguyễn Thị Lan H quản lý, sử dụng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Nội dung của Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương.

[5] Xét các yếu tố về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều

khẩn hành vi của mình, nhưng bị cáo ham chơi, lười lao động, thích hưởng thụ nên đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi nhưng lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản để lén lút trộm cắp tài sản của họ. Hành vi nêu trên của bị cáo bị pháp luật ngăn cấm, bị xã hội lên án, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 BLHS quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo Lê Quang Đ không có tài sản riêng, không có công việc, thu nhập ổn định, cần miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Vật chứng của vụ án: Không có.

[9] Trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Lan H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Công T2 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã vay nên HĐXX không xem xét.

[10] Đối với Lê Văn V5 cùng Đ mang xe mô tô BKS 20N3-4393 đi cầm cố và Lê Công T2 nhận cầm cố xe cho Đ vay tiền nhưng V5 và T2 đều không biết là tài sản do Đ trộm cắp. Mạnh là người đưa Đ đến nhà V3 cầm cố xe. Tuy nhiên, Đ không biết rõ họ và tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ của M. Ngoài ra, Đ còn mang xe mô tô BKS 20N3-4393 cầm cố tại nhà chị Nguyễn Thị V3 để vay số tiền 3.000.000 đồng nhưng chị V3 khai không quen biết Đ và không nhận cầm cố xe mô tô BKS 20N3-4393. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương không có căn cứ để xử lý hành vi của V5, T2, V3, M.

[11] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về hình phạt cũng như các vấn đề khác là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; các Điều 292, 293, 298, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quang Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Quang Đ 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính ngày đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt, 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS Phú Lương;
- Công an Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- THAHS- Công an tỉnh TN;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Khánh

THÀNH V5 HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chuyên Nguyễn Ngọc Ngư

Lê Hồng Khánh

